

Số: **2900**/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày **30** tháng **11** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Vàng Văn Nhục - Cư trú tại bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 208.548.663 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Vàng Văn Nhục có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1

Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số : 2900/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

I T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
11	Hộ ông Vàng Văn Nhục					
	Địa chỉ: bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng, tỉnh Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				208.548.663	
a	Về đất				38.572.800	
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.089,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	228,9	37.000	8.469.300	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m ²	860,1	35.000	30.103.500	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 05 thửa đất tổng diện tích thu hồi 886,8m² gồm các thửa 185, 226, 237, 238, 229; tờ BĐ số 134 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau: + Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 185, 173, 200, 201, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC467240 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/12/2012 mang tên ông Vàng Văn Nhục và bà Tào Thị Chiến. + Phần diện tích thu hồi chồng lấn một phần thửa đất số 192, tờ BĐ số 121 đã cấp GCN QSD đất số phát hành BC467239 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/12/2012 mang tên ông Vàng Văn Ke và bà Lèng Thị Hai. Thực tế phần diện tích đất trên do gia đình ông Vàng Văn Nhục đang sử dụng, có nguồn gốc do ông Vàng Văn Lùng khai hoang trước năm 1993 sử dụng với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác đến khoảng năm 2005 cho con là ông Vàng Văn Nhục (cho tặng không có giấy tờ). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc, quy chủ chưa chính xác, bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998. Mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.					
b	Tài sản vật kiến trúc: Toàn bộ tài sản do ông Vàng Văn Nhục tạo lập năm 2010. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp				24.780.195	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Mương đào thủ công (1*2,8*52)	m ³	145,6	82.500	12.012.000	
2	Kè đá xây (10*2*0,5)	m ³	10,0	392.700	3.927.000	
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, không đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					

T	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
3	Ao đào không phân biệt cấp đất 1,5*202,2m ²	m ³	303,3	29.150	8.841.195	
c	Cây cối hoa màu trên đất				21.007.968	
1	Cây tre d>10cm	Cây	50,0	48.000	2.400.000	
2	Cây tre d=5-10cm	Cây	30,0	30.000	900.000	
3	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4	Cây	10,0	192.000	1.920.000	
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	Cây	12,0	66.000	792.000	
5	Sản lượng ngô 700 m2*5.4 tấn/ha/năm	kg	378,0	10.000	3.780.000	
6	Cây lấy gỗ D =30; h7 m: 2 cây	m ³	1,0	480.000	474.768	
7	Cây lấy gỗ D=5-10 cm	Cây	15,0	30.000	450.000	
8	Cây lấy gỗ D=50; h7 m 1 cây	m ³	1,4	480.000	659.400	
9	Cây lấy gỗ D=5-10 cm	Cây	20,0	30.000	600.000	
10	Cây lấy gỗ D=10-25 cm	Cây	7,0	42.000	294.000	
11	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 3	Cây	7,0	132.000	924.000	
	Phân gia đình tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất, chuyển đổi không bị lập biên bản vi phạm hành chính, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo điểm c khoản 5 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
12	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 202,2m2*0,3kg/m ²	Kg	60,7	30.000	1.819.800	
13	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 666m2*0,3kg/m ²	Kg	199,8	30.000	5.994.000	
d	Chính sách hỗ trợ				124.187.700	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m2	228,9	148.000	33.877.200	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m2	860,1	105.000	90.310.500	

